



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Quy trình sản xuất điện ảnh truyền hình
(Film and television production process)
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 2 (a/b/c) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, c = 2 × a: số tín chỉ tự học]
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: ...
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 30 tiết, trong đó:
- Lý thuyết: 30 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận: 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thiếu Hoa
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ, P.GS, NSND
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 09854115490
- Email: nguyenthieuhoachihuy@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Phước
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0989022399
- Email: daodienxuanphuoc@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quy trình sản xuất điện ảnh truyền hình tập trung vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết để sản xuất các tác phẩm điện ảnh và truyền hình chuyên nghiệp. Nội dung học phần bao gồm việc tìm hiểu các giai đoạn trong quy trình sản xuất,

từ ý tưởng ban đầu, kịch bản, tiền kỳ, sản xuất, hậu kỳ đến phân phối sản phẩm cuối cùng. Sinh viên sẽ được học cách phát triển ý tưởng thành kịch bản chi tiết, sau đó lập kế hoạch sản xuất bao gồm lựa chọn diễn viên, địa điểm quay, và các thành viên trong đoàn làm phim. Trong giai đoạn sản xuất, sinh viên sẽ hiểu rõ cách quản lý công việc trên trường quay, điều phối các khía cạnh kỹ thuật như ánh sáng, âm thanh, và quay phim. Giai đoạn hậu kỳ bao gồm biên tập, chỉnh sửa âm thanh, màu sắc và hiệu ứng hình ảnh để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh. Học phần cũng đề cập đến việc tiếp thị và phân phối sản phẩm thông qua các kênh truyền hình và phương tiện truyền thông khác. Học phần này giúp sinh viên nắm bắt được quy trình sản xuất một cách tổng thể, từ đó có thể tham gia vào các dự án điện ảnh và truyền hình một cách hiệu quả.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về các giai đoạn sản xuất phim và chương trình truyền hình. Sinh viên sẽ hiểu cách phát triển ý tưởng, viết kịch bản, sản xuất, quay phim, biên tập và hậu kỳ. Học phần cũng giúp sinh viên nắm được cách tổ chức và quản lý dự án, làm việc với ekip và thực hiện các bước từ tiền kỳ đến hậu kỳ để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các giai đoạn sản xuất một tác phẩm điện ảnh hoặc truyền hình. Nó bao gồm các bước như phát triển ý tưởng, kịch bản, tiền sản xuất, quay phim, hậu kỳ và phát hành. Sinh viên sẽ tìm hiểu về vai trò của các thành viên trong đoàn làm phim, quy trình làm việc, quản lý dự án và kỹ thuật sản xuất hiện đại. Học phần cũng có thể bao gồm các chủ đề như kỹ thuật quay phim, chỉnh sửa, âm thanh, ánh sáng và tạo hiệu ứng đặc biệt.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về quá trình sản xuất phim từ kịch bản, lên kế hoạch, quay phim, hậu kỳ đến phát hành. Sinh viên học cách quản lý dự án, làm việc với các bộ phận khác nhau như đạo diễn, biên kịch, diễn viên và kỹ thuật viên. Học phần cũng đề cập đến các yếu tố kinh doanh như ngân sách, tiếp thị và phân phối.

- Trang bị kiến thức về các khía cạnh của quá trình sản xuất phim truyền hình và điện ảnh, từ lên ý tưởng, kịch bản, lên kế hoạch, sản xuất, hậu kỳ đến phát hành. Sinh viên học cách tổ chức sản xuất, quản lý ngân sách, điều hành diễn viên và ekip, cũng như nắm vững quy trình kỹ thuật trong quay phim, dựng phim và xử lý âm thanh. Học phần cũng bao gồm việc hiểu các vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong đoàn làm phim.

- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã	Nội dung chuẩn đầu ra
CDR	(Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Trình bày được các bước cơ bản trong quy trình sản xuất phim điện ảnh – truyền hình

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
	(tiền kỳ, sản xuất, hậu kỳ).
CLO2	Phân tích được vai trò và mối quan hệ giữa các bộ phận trong ê-kíp sản xuất phim.
Kỹ năng	
CLO3	Lập kế hoạch sản xuất phim cơ bản (timeline, ngân sách, phân công nhân sự).
CLO4	Ứng dụng được kiến thức để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình làm phim.
CLO5	Phối hợp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để triển khai một dự án phim ngắn.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO6	Tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch, tiến độ làm việc nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X			x							
CLO2	X											
CLO3			X			x	x		x			
CLO4				X								x
CLO5					X		X			x	x	
CLO6	x		x					x				

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Tổng quan về quy trình sản xuất phim	CLO2, CLO5
1.1	Khái niệm và vai trò của quy trình sản xuất trong điện ảnh – truyền hình	
1.2	Các giai đoạn cơ bản: Tiền kỳ – Sản xuất – Hậu kỳ. Mô	

	hình tổ chức sản xuất chuyên nghiệp trong phim truyện, phim truyền hình và phim tài liệu	
Chương 2	Giai đoạn tiền kỳ	CLO3, CLO4, CLO6
2.1	Phân tích kịch bản và lập kế hoạch sản xuất Lên ngân sách, phân bổ nguồn lực	
2.2	Thành lập ê-kíp sản xuất và phân công vai trò Lên lịch quay, khảo sát bối cảnh, xin giấy phép sản xuất Chuẩn bị thiết bị, phục trang, đạo cụ, hậu cần	
Chương 3	Giai đoạn sản xuất (quay phim)	CLO1, CLO3
3.1	Tổ chức hiện trường quay Điều phối các bộ phận: đạo diễn, quay phim, ánh sáng, âm thanh, thiết kế mỹ thuật, diễn viên	
3.2	Quản lý thời gian và chi phí trong quá trình quay Ghi chép nhật ký hiện trường, giám sát chất lượng cảnh quay	
Chương 4	Giai đoạn hậu kỳ	
	Chuyển dữ liệu, lưu trữ và backup Dựng phim: quy trình dựng offline và online	
	Chỉnh màu, hiệu ứng hình ảnh (VFX), hòa âm, lồng tiếng Âm nhạc, tiếng động và âm thanh tổng thể Kiểm duyệt, hoàn thiện bản final	
Chương 5	Phân phối và phát hành phim	
5.1	Chiến lược phát hành: rạp chiếu, truyền hình, OTT, liên hoan phim Lập kế hoạch truyền thông, marketing phim	
5.2	Xây dựng hồ sơ dự án và gọi vốn sản xuất Các nền tảng kỹ thuật số và xu hướng phân phối hiện	

	nay	
Chương 6	Quản trị rủi ro và đạo đức trong sản xuất phim	
6.1	Các vấn đề pháp lý và hợp đồng trong quá trình sản xuất Bảo hộ quyền tác giả, quyền nhân thân, quyền khai thác tác phẩm	
6.2	Xử lý khủng hoảng và rủi ro sản xuất Đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất phim điện ảnh – truyền hình	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	Người học: Phân tích một kịch bản phim ngắn và xây dựng kế hoạch sản xuất cá nhân bao gồm lịch quay, phân bổ nguồn lực, và ngân sách sơ bộ. Đồng thời, người học lựa chọn một vị trí trong ê-kíp sản xuất để mô tả nhiệm vụ, kỹ năng cần thiết, và những thách thức thực tế thường gặp trong quá trình làm việc	
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	Phối hợp làm việc nhóm để lập kế hoạch sản xuất một dự án phim ngắn hoàn chỉnh, từ tiền kỳ đến hậu kỳ. Nhóm phân công công việc theo vai trò thực tế trong sản xuất, xây dựng hồ sơ sản xuất, dự toán chi phí, lịch trình quay và phân tích rủi ro. Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp thông qua hình thức trình bày và nộp bản kế hoạch sản xuất chi tiết.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Chương 1: Tổng quan về quy trình sản xuất phim	3	1		16	24	
2	Chương 2 : Giai đoạn tiền kỳ	3	2		10	15	

3	Chương 3: Giai đoạn sản xuất (quay phim)	3	2		14	21	
4	Chương 4 Giai đoạn hậu kỳ	3	2		10	15	
5	Chương 5: Phân phối và phát hành phim	3	2		10	15	
6	Chương 6: Quản trị rủi ro và đạo đức trong sản xuất phim	3	3				
Tổng		18	12		60	90	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

1. Thảo luận tìm hiểu về từng bước trong quy trình sản xuất điện ảnh và truyền hình, từ giai đoạn lên ý tưởng, kịch bản, tiền sản xuất, sản xuất, hậu sản xuất cho đến khi ra mắt tác phẩm.
2. Thảo luận về nghệ thuật kể chuyện trong điện ảnh và truyền hình
3. Thảo luận về vai trò của truyền thông trong việc định hình văn hóa, thảo luận về các vấn đề xã hội được nêu lên qua phim ảnh và truyền hình, và cách ngành công nghiệp này có thể phản ánh hoặc thúc đẩy thay đổi xã hội.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài giảng lý thuyết
- Bài tập và dự án thực tế
- Phân tích và đánh giá tác phẩm
- Hội thảo và thảo luận
- Tập huấn và thực tập

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	
					X	X	X	X	X	X	X	X

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

Gợi ý:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
	X	X								X		
	X									X		
			X							X		
				X						X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên**Gợi ý:**

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tự luận

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết	X		X		X	X	X	X	X	X	X	X

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
trình												
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

1. Đặng Nhật Minh (2020), *Hồi ký điện ảnh*, NXB Văn hóa – Văn nghệ TP.HCM.
2. Trịnh Đình Lê Minh (2021), *Quy trình làm phim độc lập ở Việt Nam: Từ kịch bản đến hậu kỳ*, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP.HCM (giáo trình nội bộ, lưu hành nội bộ).
3. Nguyễn Thị Thu Hà (2022), *Tổ chức sản xuất phim truyền hình tại Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Minh Trí (2023), *Cẩm nang sản xuất phim truyền hình ngắn tập*, NXB Lao động.
5. Bùi Thạc Chuyên (2020), *Từ ý tưởng đến màn ảnh: Hành trình sản xuất một bộ phim điện ảnh*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Tài năng Điện ảnh TPD.
6. Nguyễn Hồng Quang (2021), *Lý thuyết và thực tiễn sản xuất chương trình truyền hình tại Việt Nam*, NXB Thế giới.
7. Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Tài năng Điện ảnh TPD (2023), *Quy trình 7 bước sản xuất phim*, Trung tâm TPD.

13.2. Tài liệu tham khảo

1. Đình Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu – Số 9.
2. Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
3. Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.
4. Nguyễn Tất Thắng, 2000, Về thi pháp kịch, NXB Sân Khấu
5. Nguyễn Thị Minh Thái, 1999, Sân khấu và tôi, NXB Sân khấu
6. Trần Trí Trắc, 1995, Kịch nói Việt Nam với nghệ thuật sân khấu truyền thống, NXB Sân Khấu.
7. Richard D.Labe (2020), Âm thanh trong phim điện ảnh – truyền hình (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.

8. Richard D.labe (2020), Nghệ thuật đạo diễn phim truyện (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.
9. Arena Multimedia (2023), *Khám phá quy trình làm phim cơ bản cho người mới bắt đầu*, Arena Multimedia.
10. Ken Basin (2024), *The Business of Television: Updated and Expanded Second Edition*, Routledge.
11. Blain Brown (2020), *The Basics of Filmmaking*, Routledge.
12. Sarah Atkinson (2020), *From Film Practice to Data Process: Production Aesthetics and Representational Practices of a Film Industry in Transition*, Edinburgh University Press.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)